

Số: 1609 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 18 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung,
danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ
giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường bộ
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-BXD ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung,

bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 3839/TTr-SXD ngày 14 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 27 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, danh mục 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng (chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo).

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 1390/QĐ-BXD ngày 09 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính áp dụng trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung của Bộ Xây dựng đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định này bãi bỏ danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của 28 thủ tục hành chính có số thứ tự 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50 tại mục VIII phần A, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Cao Bằng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC - Bộ Tư pháp;
- Bộ Xây dựng;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP,
- KT, TTTT-HN, TTPVHCC;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC_(HỒ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Tuấn Hùng



Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG¹ (27 TTHC)

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cơ quan thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ (1.000703)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 4 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ Công quốc gia.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.

¹ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

2	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh (2.002286)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 4 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ Công quốc gia.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.
3	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định (2.002285)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 3 ngày làm việc , cụ thể: + Trong thời hạn 02 ngày làm việc: Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ thực hiện rà soát và gửi văn bản lấy ý kiến thống nhất trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ Công quốc gia.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.

			dựng với Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia. + Trong thời gian 01 ngày làm việc, Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng về việc đồng ý hoặc không đồng ý (nêu rõ lý do kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.					
4	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ

	gắn động cơ kinh doanh vận tải (2.002288)		từ khi nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ Công quốc gia.		- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	sung: Căn cứ pháp lý.
5	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN (1.010702)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ Công quốc gia.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
6	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN (1.010704)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	Nộp hồ sơ: -Trực tiếp.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

							<i>hoạt động vận tải đường bộ.</i>	
7	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới (1.010707)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.
8	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS (1.002829)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ Công quốc gia.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

9	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD (1.002817)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ Công quốc gia.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
10	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho các nước thực hiện Hiệp định GMS (1.002046)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.
11	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (1.002877)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

				phường.	tuyển trên Công dịch vụ Công quốc gia.			
12	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia (1.002286)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.
13	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (1.002268)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Công dịch vụ Công quốc gia.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.

14	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam (2.001034)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.
15	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam (1.002357)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.
16	Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam (1.002381)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.

					vụ Công quốc gia.			
17	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc Nghị (1.002374)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ Công quốc gia.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.
18	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc (1.001737)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.

19	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc (1.002334)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ Công quốc gia.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.
20	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (1.002861)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ Công quốc gia.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.

21	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (1.002856)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ Công quốc gia.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.
22	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào (1.002063)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.
23	Đăng ký khai thác tuyến bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã,	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

	Lào (1.002847)			phường.	tuyển trên Công dịch vụ Công quốc gia.			
24	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (1.000302)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Công dịch vụ Công quốc gia.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
25	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (1.001023)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Công dịch	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.

					vụ Công quốc gia.			
26	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia (1.001577)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp.	Không có	<i>- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.</i> <i>- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.</i>	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết.

27	Đăng ký, khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia (1.000321)	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ Công quốc gia.	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
----	--	---------------------------	--	--	---	----------	--	---

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (01 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02 TTHC)				
1	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng

- Tổng số danh mục TTHC được công bố:

28 TTHC
- Trong đó
- TTHC mới ban hành:

00 TTHC
- + Cấp tỉnh:

00 TTHC

+ Cấp xã:	00	
- TTHC được sửa đổi, bổ sung:	27	TTHC
+ Cấp tỉnh:	27	TTHC
+ Cấp xã:	00	
- TTHC được bãi bỏ:	01	TTHC
+ Cấp tỉnh:	01	TTHC
+ Cấp xã:	00	
- Số TTHC thực hiện trực tiếp:	27	TTHC
- Số TTHC thực hiện qua Dịch vụ bưu chính công ích:	20	TTHC
- Số TTHC thực hiện qua Dịch vụ công trực tuyến:	18	TTHC
- Số TTHC có phí, lệ phí:	00	TTHC
- Số TTHC được cắt giảm thời hạn giải quyết:	00	TTHC



Phụ lục II

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH CAO BẰNG**

(Kèm theo Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng)

1. Quy trình nội bộ giải quyết 02 thủ tục hành chính:

1.1. Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ (**Mã TTHC: 1.000703**).

1.2. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh (**Mã TTHC: 2.002286**).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản sao chụp điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Xây dựng và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	02 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Vận tải và An toàn giao thông	02 giờ làm việc

Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ (Kiểm tra, xem xét hồ sơ và dự thảo kết quả)	Công chức Phòng Vận tải và An toàn giao thông	23 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Phòng Vận tải và An toàn giao thông	02 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Xây dựng	02 giờ làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả về TTPVHCC	Văn thư Sở Xây dựng	01 giờ làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức tại TTPVHCC	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			(32 giờ) 4 ngày làm việc

2. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính: Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định (Mã TTHC: 2.002285).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản sao chụp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính	01 giờ làm việc

	điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Xây dựng và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	công (TTPVHCC) tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Vận tải và An toàn giao thông	02 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ (Kiểm tra, xem xét hồ sơ và dự thảo kết quả)	Công chức Phòng Vận tải và An toàn giao thông	16 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Phòng Vận tải và An toàn giao thông	02 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Xây dựng	02 giờ làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả về TTPVHCC	Văn thư Sở Xây dựng	01 giờ làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức tại TTPVHCC	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			(24 giờ) 3 ngày làm việc

3. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính: Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải (Mã TTHC: 2.002288).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản sao chụp điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Xây dựng và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	01 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Vận tải và An toàn giao thông	02 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ (Kiểm tra, xem xét hồ sơ và dự thảo kết quả)	Công chức Phòng Vận tải và An toàn giao thông	08 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Phòng Vận tải và An toàn giao thông	02 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở Xem xét phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Xây dựng	02 giờ làm việc

Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả về TTPVHCC	Văn thư Sở Xây dựng	01 giờ làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức tại TTPVHCC	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			(16 giờ) 2 ngày làm việc

4. Quy trình nội bộ giải quyết 16 thủ tục hành chính:

- 4.1. Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN (**Mã TTHC: 1.010702**).
- 4.2. Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS (**Mã TTHC: 1.002829**).
- 4.3. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD (**Mã TTHC: 1.002817**).
- 4.4. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (**Mã TTHC: 1.002877**).
- 4.5. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (**Mã TTHC: 1.002268**).
- 4.6. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam (**Mã TTHC: 2.001034**).
- 4.7. Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam (**Mã TTHC: 1.002357**).

4.8. Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam (**Mã TTHC: 1.002381**).

4.9. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc (**Mã TTHC: 1.002374**).

4.10. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc (**Mã TTHC: 1.002334**).

4.11. Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (**Mã TTHC: 1.002861**).

4.12. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (**Mã TTHC: 1.002856**).

4.13. Đăng ký khai thác tuyến bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào (**Mã TTHC: 1.002847**).

4.14. Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (**Mã TTHC: 1.000302**).

4.15. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (**Mã TTHC: 1.001023**).

4.16. Đăng ký, khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia (**Mã TTHC: 1.000321**).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản sao chụp điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Xây dựng và chuyển ngay đến cơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	0,5 giờ làm việc

	quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Vận tải và An toàn giao thông	01 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ (Kiểm tra, xem xét hồ sơ và dự thảo kết quả)	Công chức Phòng Vận tải và An toàn giao thông	04 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Phòng Vận tải và An toàn giao thông	01 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở Xem xét phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Xây dựng	01 giờ làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả về TTPVHCC	Văn thư Sở Xây dựng	0,5 giờ làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức tại TTPVHCC	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			(08 giờ) 1 ngày làm việc

5. Quy trình nội bộ giải quyết 07 thủ tục hành chính:

5.1. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN (**Mã TTHC: 1.010704**).

5.2. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới (**Mã TTHC: 1.010707**).

5.3. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS (**Mã TTHC: 1.002046**).

5.4. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia (**Mã TTHC: 1.002286**).

5.5. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc (**Mã TTHC: 1.001737**).

5.6. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào (**Mã TTHC: 1.002063**).

5.7. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia (**Mã TTHC: 1.001577**).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản sao chụp điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Xây dựng và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) tỉnh.	0,5 giờ làm việc

	việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.		
Bước 2	Lãnh đạo phòng xem xét, phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Phòng VT&ATGT	01 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ (Kiểm tra, xem xét hồ sơ và dự thảo kết quả)	Công chức Phòng Phòng VT&ATGT	04 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Phòng xem xét phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Phòng Vận tải và An toàn giao thông	01 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở Xem xét phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Xây dựng	01 giờ làm việc
Bước 6	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả về TTPVHCC	Văn thư Sở Xây dựng	0,5 giờ làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức tại TTPVHCC	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) tỉnh	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC:			(08 giờ) 1 ngày làm việc